ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1955 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 03 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia"Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" ở Việt Nam đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) *"về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"*;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 413/TTr-SNN ngày 13 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 với mục tiêu đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân nhằm nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; đồng thời, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 2 (SDG2) (Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện

dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững) do Chính phủ Việt Nam cam kết với Tổ chức Liên hợp quốc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Đảm bảo các hộ có đủ lương thực, thực phẩm dinh dưỡng quanh năm:

- Giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1.800 Kcal dưới 5%;

- Tăng mức tiêu thụ rau, củ, quả trung bình đầu người lên 400g/ngày.

b) Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 05 tuổi trên địa bàn tỉnh, với các chỉ tiêu như sau:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 05 tuổi xuống dưới 20%;

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng ở trẻ em dưới 05 tuổi xuống dưới 09%;

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2.500 gam) xuống dưới 5%.

c) Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm bền vững: 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất.

d) Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 10%.

d) Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ 1: Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng hợp lý quanh năm

a) Xác định nhu cầu về dinh dưỡng hợp lý cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình

- Nghiên cứu về khẩu phần, tính sẵn có của thực phẩm, thói quen tiêu thụ và lựa chọn thực phẩm của người dân trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phần thực phẩm Việt Nam làm cơ sở cho xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý;

- Cập nhật và phổ biến các hướng dẫn về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm tại địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng hợp lý cho người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Đào tạo cho hệ thống cán bộ các cấp chính quyền về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Xây dựng hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các địa phương dễ bị ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu;

- Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, cận nghèo, hộ có con dưới 02 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng.

b) Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân

- Lập kế hoạch xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái và quy hoạch ngành của từng địa bàn để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân;

- Thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng ở cấp xã;

- Đào tạo cho cán bộ cấp xã, ấp về kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng;

- Tập huấn cho hộ gia đình kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (lập kế hoạch sản xuất, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, phòng trừ dịch bệnh).

2. Nhiệm vụ 2: Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 02 tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng

a) Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 02 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời)

- Xây dựng và phổ biến tài liệu hướng dẫn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời;

- Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 02 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch;

- Cung cấp đủ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 02 tuổi ở trường mầm non;

- Đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là tại các địa bàn khó khăn;

- Tăng cường kiến thức và kỹ năng tư vấn về nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện, cô giáo mầm non.

b) Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

- Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun trên địa bàn toàn tỉnh bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai;

- Mở rộng can thiệp phòng chống thiếu máu thiếu sắt, acid folic, kẽm cho phụ nữ tuổi sinh đẻ, có thai và trẻ nhỏ;

3. Nhiệm vụ 3: Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững

a) Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm

- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các địa bàn khó khănđáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ;

- Ưu tiên cho các địa bàn khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội;

b) Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai

- Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm;

- Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống quan trắc đo độ mặn tự động cảnh báo chất lượng nước.

c) Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững

- Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân;

- Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm trang bị các kiến thức cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm.

d) Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

- Phát triển kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là các hợp tác xã thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách: Đào tạo, tín dụng, đất đai, hạ tầng, bảo hiểm nông nghiệp;

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư."

4. Nhiệm vụ 4: Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập

a) Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững

- Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sản xuất theo loại hình cây trồng vật nuôi, áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến);

- Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: Giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất,công nghệ sau thu hoạch, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị;

- Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm gắn liền với chuỗi giá trị ngành hàng, trong đó có sự tham gia của cộng đồng;

- Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp;

b) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông

- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở địa bàn khó khăn;

- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai và dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

5. Nhiệm vụ 5: Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách giúp cho công tác quản lý, áp dụng khoa học công nghệ nhằm giảm tổn thất và lãng phí lương thực, thực phẩm;

- Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến;

- Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm;

- Tăng cường năng lực bảo quản, chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

6. Các hoạt động cụ thể

Dự kiến các hoạt động cụ thể tại Phụ lục đính kèm.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện

- Xây dựng phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 trong năm 2018;

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo chỉ đạo của Trung ương từ năm 2019 - 2025;

- Đánh giá, sơ kết việc triển khai thực hiện Chương trình năm 2021;

- Tổng kết Chương trình trong năm 2025.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn vốn thực hiện Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến

năm 2025; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo phân bổ cho tỉnh Trà Vinh và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án trên địa bàn và các nguồn huy động khác.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến để cho người dân, các cấp chính quyền và toàn xã hội hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, coi đây là một chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

2. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nắm được phương pháp, cách làm, đặc biệt với các hộ gia đình là chủ thể thực hiện chương trình này, nhằm tổ chức triển khai hiệu quả chương trình.

3. Triển khai và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo và doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại để có được sự hỗ trợ về sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, áp dụng các giống cây, con có năng suất, chất lượng cao vào phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản.

4. Huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia "Không còn nạn đói" trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện khi có hướng dẫn của Bộ, ngành, Trung ương;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao; tổ chức đánh giá sơ kết mô hình điểm và nhân rộng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan huy động và bố trí các nguồn vốn trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch này (nếu có);

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

3. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình;

Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn

4. Sở Y tế

- Chủ động đề xuất, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sáchđể triển khai thực hiện chương trình; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan chỉ đạo các nội dung nhiệm vụ được giao của Chương trình;

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, các mô hình và báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình "Không còn nạn đói";

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có liên quan, chỉ đạo cơ quan báo chí, Đài Truyền thanh huyện, thị xã và thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tổ chức thông tin, tuyên truyền về các nội dung của Chương trình;

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan truyền thông triển khai tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người dân theo Chương trình;

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

8. Các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội có liên quan: theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp chặt chẽ với các cấp để tổ chức triển khai chương trình đạt hiệu quả.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện các mục tiêu của Chương trình đề ra;

- Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương và lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án để thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức đánh giá sơ kết thực hiện Chương trình.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

Nơi nhận:
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- TT. TH - CB tỉnh;
- Các Phòng: CN-XD, KT, KG-VX, NC, TH;
- Lưu: VT, NN.

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA "KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI" TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1955 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/Làm mới
Nhiệm vụ 1	**Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm**					
a	**Xác định nhu cầu về dinh dưỡng cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình**					
1	Nghiên cứu về khẩu phần, tính sẵn có của thực phẩm, thói quen tiêu thụ và lựa chọn thực phẩm của người dân trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân.	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT
2	Cập nhật cơ sở dữ liệu thành phần thực phẩm Việt Nam làm cơ sở cho xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương	2018 - 2025	Cơ sở dữ liệu thành phần thực phẩm cập nhật	Lồng ghép CT
3	Cập nhật và phổ biến các hướng dẫn về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm tại địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, các đoàn thể xã hội	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép CT

4	Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng cho hộ và người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Làm mới
5	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ các cấp về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Làm mới
6	Xây dựng hướng dẫn báo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các địa phương dễ bị ảnh hưởng của BĐKH.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT
7	Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, cận nghèo, hộ có con dưới 02 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT
b	**Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân**					
1	Lập kế hoạch xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái và quy hoạch ngành của từng địa bàn để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện	2018 - 2019	Kế hoạch	Làm mới
2	Xây dựng mô hình điểm, mô hình nhân rộng về tổ chức sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo kế hoạch cho hộ gia đình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Mô hình	Làm mới
3	Đào tạo, tập huấn cho cán bộ cấp xã, thôn về kiến thức sản	Sở Nông nghiệp và	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới

	xuất nông nghiệp dinh dưỡng	Phát triển nông thôn	và Xã hội, UBND cấp huyện			
4	Phổ biến, tuyên truyền cho hộ gia đình kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (lập kế hoạch sản xuất, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, phòng trừ dịch bệnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới
Nhiệm vụ 2	**Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng**					
a	**Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 02 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời)**					
1	Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng triển khai các hoạt động dinh dưỡng và tư vấn về Nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện.	Sở Y tế	UBND cấp huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép CT
2	Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch.	Sở Y tế	Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên và các cơ quan thông tin, truyền thông địa phương	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép CT
3	Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tập huấn chuyên môn cho cô giáo, người chế biến bữa ăn cho trẻ dưới 02 tuổi ở trường mẫu giáo	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới
4	Đảm bảo khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là tại các địa	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép với các CT/Dự án

	bànkhó khăn		UBND cấp huyện			
5	Xây dựng mô hình mẫu đặc thù cho các địa phương về công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (đặc biệt là trẻ dưới 02 tuổi)	Sở Y tế	UBND cấp huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới
b	**Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em**					Lồng ghép CT
1	Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun trên toàn quốc bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai	Sở Y tế	Các đơn vị trong ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép CT
2	Mở rộng các can thiệp bổ sung viên sắt acid folic, kẽm cho phụ nữ tuổi sinh đẻ, có thai và trẻ em.	Sở Y tế	Các đơn vị trong ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch	Lồng ghép CT
Nhiệm vụ 3	**Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững**					
a	**Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm**					
1	Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấphuyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
2	Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các địa bàn khó khăn đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Chương trình MTQG giảm nghèo đến 2020	Đang thực hiện
3	Ưu tiên cho các địa bàn khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội	Sở Lao động - Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,	2018 - 2020	Chương trình MTQG giảm	Đang thực hiện

		binh và Xã hội	UBND cấp huyện		nghèo đến 2020	
b	**Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai**					
1	Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Nguyên vàMôi trường, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Chiến lược QGPCGN Thiên tai 2007 - 2025	Đang thực hiện
2	Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai. Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống quan trắc đo độ mặn tự động cảnh báo chất lượng nước.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Chiến lược QGPCGN Thiên tai 2007 - 2025	Đang thực hiện
c	**Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững**					
1	Phát triển hệ thống cung ứng phân phối lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, UBND cấphuyện	2018 - 2020	Đề án	Làm mới
2	Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
3	Công tác tuyên truyền, phổ biến nhằmtrang bị các kiến thức tiêu dùng cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Đài PTTH Trà Vinh	2018 - 2020	Kế hoạch	Làm mới

d	**Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp**					
1	Phát triển kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là các hợp tác xã thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách: đào tạo, tín dụng, đất đai, hạ tầng, bảo hiểm nông nghiệp,...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Liên minh HTX, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương, Liên minh HTX, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
3	Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư."	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2030	Làm mới
Nhiệm vụ 4	**Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập**					
a	**Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững**					
1	Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sản xuất theo loại hình cây trồng vật nuôi, áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến, ...);	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT
2	Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất,công nghệ sau thu hoạch, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị,...)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT

			cấp huyện			
3	Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểmgắn liền với chuỗi giá trị ngành hàng, trong đó có sự tham gia của cộng đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Lồng ghép CT
4	Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
b	**Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông**					
1	Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
2	Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các địa bàn thường xuyên chịu tác động của thiên taivà dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Điều phối dự án, UBND cấp huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện
Nhiệm vụ 5	**Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm**					
1	Hoàn thiện cơ chế, chính sách giúp cho công tác quản lý, áp dụng khoa học công nghệ nhằm tổn thất và lãng phí lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương	2018 - 2020	Nghị định về cơ giới hóa và giảm tổn thất sau thu hoạch đến năm 2020	Đang làm

2	Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, UBND cấphuyện	2018 - 2020	Nghị định về cơ giới hóa và giảm tổn thất sau thu hoạch đến năm 2020	Đang làm
3	Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài PTTH Trà Vinh, UBND cấp huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới
4	Tăng cường năng lực bảo quản, chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công Thương	2018 - 2020	Kế hoạch hành động ATTP đến 2020	Lồng ghép CT
Nhiệm vụ 6	**Hoạt động của BCĐ tỉnh**					
	Hội nghị BCĐ và Hội thảo	BCĐ tỉnh	Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan	2018-2025	Hội nghị, hội thảo	Làm mới
	Tham quan, học tập kinh nghiệm	BCĐ tỉnh	Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan	2018-2025		Làm mới
	Kiểm tra, giám sát	BCĐ tỉnh	Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan	2018-2025		Làm mới